

**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2005/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2005

**THÔNG TƯ****Quy định cụ thể về phụ cấp chức vụ lãnh đạo  
trong các tổ chức chuyên ngành thuộc Bộ Tài chính**

Thực hiện Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ tại Công văn số 531/BNV-TL ngày 15/3/2005, Bộ Tài chính quy định cụ thể phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các tổ chức chuyên ngành thuộc Bộ như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG:**

Phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định dưới đây, áp dụng đối với công chức được bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo trong tổ

chức bộ máy các tổ chức chuyên ngành trực thuộc Bộ Tài chính: Tổng cục Thuế, Kho bạc nhà nước, Tổng cục Hải quan, Cục Dự trữ quốc gia.

**II. MỨC PHỤ CẤP:**

Mức phụ cấp tính theo hệ số so với mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

**1. Đối với các chức danh lãnh đạo trong các tổ chức trực thuộc Tổng cục Thuế và Kho bạc nhà nước:**

a) Cơ quan Cục Thuế, Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Số thứ tự	Chức danh lãnh đạo	Hệ số	
		Đô thị loại đặc biệt, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh	Đô thị loại I, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương còn lại
1	Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc KBNN	1,00	0,90
2	Phó Cục trưởng Cục Thuế, Phó Giám đốc KBNN	0,80	0,70

3	Trưởng phòng Cục Thuế, KBNN	0,60	0,50
4	Phó Trưởng phòng Cục Thuế, KBNN	0,40	0,30

b) Đối với Chi cục Thuế, KBNN quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

Số thứ tự	Chức danh lãnh đạo	Hệ số		
		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II	Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh	Huyện, thị xã và các quận còn lại
1	Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Giám đốc KBNN	0,60	0,55	0,50
2	Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Phó Giám đốc KBNN	0,40	0,35	0,35
3	Trưởng phòng KBNN quận (tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh)		0,25	
4	Phó Trưởng phòng KBNN quận (tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh)		0,20	
5	Tổ trưởng, Đội trưởng	0,20	0,20	0,20
6	Phó Tổ trưởng, Phó Đội trưởng	0,15	0,15	0,15

**2. Đối với các chức danh lãnh đạo trong các tổ chức trực thuộc Tổng cục**

**Hải quan:**

a) Cơ quan Cục (tính theo nơi đặt trụ sở của đơn vị):

Số thứ tự	Chức danh lãnh đạo	Hệ số	
		Đô thị loại đặc biệt, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh	Đô thị loại I, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương còn lại
1	Cục trưởng Cục Hải quan	1,0	0,9
2	Phó Cục trưởng Cục Hải quan	0,8	0,7
3	Trưởng phòng Cục Hải quan	0,6	0,5
4	Phó Trưởng phòng Cục Hải quan	0,4	0,3

## b) Chi cục Hải quan:

Số thứ tự	Chức danh lãnh đạo	Hệ số	
		Cửa khẩu Quốc tế loại lớn (*)	Cửa khẩu và vùng còn lại
1	Chi cục trưởng	0,60	0,55
2	Phó Chi cục trưởng	0,40	0,35
3	Tổ trưởng, Đội trưởng thuộc Chi cục	0,30	0,25
4	Phó Tổ trưởng, Phó Đội trưởng thuộc Chi cục	0,20	0,15

(\*) Chi cục Hải quan cửa khẩu Quốc tế loại lớn gồm:

- Các Chi cục Hải quan cửa khẩu (HQCK) đường bộ: Chi cục HQCK Móng Cái (Quảng Ninh), Chi cục HQCK Hữu Nghị (Lạng Sơn), Chi cục HQCK Lào Cai (Lào Cai), Chi cục HQCK Cầu Treo (Hà Tĩnh), Chi cục HQCK Lao Bảo (Quảng Trị), Chi cục HQCK Mộc Bài (Tây Ninh).

- Các Chi cục HQCK cảng biển: Chi cục HQCK Cảng Sài Gòn khu vực I, Chi cục HQCK Cảng Sài Gòn khu vực II, Chi cục HQCK Cảng Sài Gòn khu vực III, Chi cục HQCK Cảng Sài Gòn khu vực IV

(thành phố Hồ Chí Minh), Chi cục HQCK Cảng Hải Phòng khu vực I, Chi cục HQCK Cảng Hải Phòng khu vực II, Chi cục HQCK Cảng Hải Phòng khu vực III (thành phố Hải Phòng).

- Các Chi cục HQCK Sân bay Quốc tế: Chi cục HQCK Sân bay quốc tế Nội Bài (thành phố Hà Nội), Chi cục HQCK Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (thành phố Hồ Chí Minh).

c) Đội Kiểm soát Hải quan thuộc Cục Hải quan; Đội Kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội Kiểm soát hải quan thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu:

Số thứ tự	Chức danh lãnh đạo	Hệ số
1	Đội trưởng, Hải đội trưởng	0,60
2	Phó Đội trưởng, Phó Hải đội trưởng	0,40
3	Tổ trưởng, Đội trưởng thuộc Đội hoặc Hải đội	0,30
4	Phó Tổ trưởng, Phó Đội trưởng thuộc Đội hoặc Hải đội	0,20

**3. Đối với các chức danh lãnh đạo trong các tổ chức trực thuộc Cục Dự trữ quốc gia:**

Số thứ tự	Chức danh lãnh đạo	Hệ số
1	Giám đốc DTQG khu vực	0,90
2	Phó Giám đốc DTQG khu vực	0,70
3	Trưởng phòng thuộc DTQG khu vực	0,50
4	Phó trưởng phòng thuộc DTQG khu vực	0,30
5	Chủ nhiệm Tổng kho	0,50
6	Phó Chủ nhiệm Tổng kho	0,30

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01/10/2004.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 635/TC-QĐ-TCCB ngày 11/9/1993 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong tổ chức thuộc Tổng cục Thuế và Cục Kho bạc Nhà nước (nay là Kho bạc Nhà nước) và

Công văn số 302/TC-TCCB ngày 30/01/1996 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thủ trưởng*

**Trần Văn Tá**